| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 158/2023/HS-PT
Ngày: 26/5/2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông **Nguyễn Văn Tiến**

*Các thẩm phán:* ông **Phạm Việt Cường**

ông **Trần Đức Kiên**

***- Thư ký phiên tòa***: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa trực tuyến công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 134/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo A và đồng phạm về tội "Giết người". Do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2104/2023/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023.

**1.** Họ và tên: **A (**tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 13 tháng 6 năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**;** Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bru Vân Kiều; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Ai L và bà Mó M, cùng trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk – Có mặt tại phiên tòa.

**2.** Họ và tên: **Ai T** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 04 tháng 10 năm 2003 tại tỉnh Đắk Lắk**.**

Nơi cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bru Vân Kiều; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Ai C và bà Mó V, trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk – Có mặt tại phiên tòa.

**3.** Họ và tên: **Ai Tư L** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 10 tháng 7 năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Bru Vân Kiều; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông N và bà Ta M, cùng trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ai T:* Bà Nguyễn Thị Bích N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo A:* Ông Nguyễn Đình Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ai Tư L:* Ông Phạm Công M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị hại: Anh Ai Vưa X, sinh năm 1995;

Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Từ chối trợ giúp pháp lý), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Mó V, sinh năm 1987 (mẹ bị cáo Ai T); Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông N, sinh năm 1948 (bố bị cáo Ai Tư L); Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Bà Mó M, sinh năm 1974 (mẹ bị cáo A); Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 16 giờ ngày 31/01/2021, Ai Vưa X *(sinh năm 1995, trú tại: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk)*, Blăng Ai T *(sinh năm 2002)* và Ai H *(sinh năm 2003)*, cùng trú tại: xã E, huyện K đến quán tạp hóa của anh Ai P *(sinh năm 1992, trú tại: xã E, huyện K)* để uống rượu thì gặp Ai H *(sinh năm 1994)*, Ai D *(sinh năm 1988)*, cùng trú tại: Buôn T, xã E, huyện K đang uống rượu trong quán nên vào uống cùng. Một

lúc sau, Ai T, A, Ai Tư L cũng đến quán tạp hóa và cùng vào bàn uống rượu. Lúc này, Ai Tư L khởi xướng thi vật tay, ai thua phải mua bia để mọi người uống tiếp thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, Ai Tư L vật tay thua Blăng Ai T nhưng không chịu mua bia như đã thỏa thuận thì xảy ra cãi nhau. Thấy vậy, Ai Vưa X vào can ngăn thì Ai Tư L, Ai T và A bỏ ra ngoài đường. Lúc này, A bực tức nói với Ai Tư L, Ai T là Ai Vưa X hỗn láo và rủ Ai Tư L, Ai T đi đánh Ai Vưa X thì cả hai đồng ý. Một lúc sau, nhóm của Ai Vưa X rủ nhau về nhà của Blăng Ai T để uống rượu tiếp. Thấy vậy, Ai T điều khiển xe mô tô chở Ai Tư L và A đến nhà của Ai D để A lấy dao rồi đi đến trước cổng nhà của Blăng Ai T. Lúc này, A cầm 01 con dao cán gỗ, dài khoảng 30cm, Ai T và Ai Tư L nhặt mỗi người một khúc cây cà phê mỗi khúc dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 03cm làm hung khí rồi đi vào nhà Blăng Ai T tìm đánh Ai Vưa X. Thấy Ai Vưa X đang ở phòng khách, A cầm dao xông vào chém nhiều nhát vào vùng đầu, mặt của Ai Vưa X nên Ai Vưa X đưa tay chống đỡ thì bị A kéo ra ngoài sân và tiếp tục dùng dao chém nhiều cái vào vùng đầu, mặt làm chảy nhiều máu. Lúc này, Ai T và Ai Tư L cầm cây xông đến đánh vào người của Ai Vưa X khoảng 03 đến 04 cái nhưng không rõ trúng hay không. Bị đánh, Ai Vưa X chạy trốn ra vườn cà phê sau nhà thì A, Ai Tư L và Ai T cầm hung khí đuổi theo tìm để đánh tiếp nhưng không thấy nên bỏ về. Sau khi bị đánh, Ai Vưa X trốn ở vườn cà phê rồi đi về nhà và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 340/TgT-TTPY ngày 22/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Ai Vưa X là **27%**; vật tác động: Vật sắc bén. Trong đó, tỷ lệ tổn thương cơ thể do từng thương tích của Ai Vưa X:

- Vết thương để lại sẹo nằm chéo vùng đỉnh đầu bên phải, cách tai phải 9cm, chân tóc trán phải 6cm, bờ đều, phẳng gọn, kích thước 6,5cm x 0,3cm: **2%**

- Vết thương để lại sẹo kéo dài từ thái dương phải đến gò má phải, đầu dưới cách đuôi mắt phải 3cm, bờ đều, phẳng gọn, kích thước 7cm x 0,2cm: **4%**

- Vết thương để lại sẹo gò má phải đến chân tóc mai bên phải, hình cung mở xuống dưới, cách đuôi mắt phải 2,5cm, bờ đều, phẳng gọn, kích thước 6cm x 0,2cm: **4%**

- Vết thương để lại sẹo hơi cong mở lên trên, mặt sau - ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải, bờ đều, phẳng gọn, kích thước 10cm x 0,7cm: **3%**

- Vết thương để lại sẹo hình cung mở xuống dưới, mặt trước - trong 1/3 dưới tay phải, bờ đều, phẳng gọn, kích thước 10,5cm x 0,5cm: **2%**

- Mẻ 1/3 dưới xương trụ cẳng tay phải: **2%**

- Tổn thương nhánh thần kinh trụ tay phải: **13%**

** Cơ chế hình thành vết thương:*

- Vết thương để lại sẹo gò má phải đến chân tóc mai bên phải do tác động trực tiếp của vật sắc, bén hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới;

- Vết thương để lại sẹo nằm chéo vùng đỉnh đầu bên phải; Vết thương để lại sẹo kéo dài từ thái dương phải đến gò má phải do tác động trực tiếp của vật sắc, bén hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái;

- Vết thương để lại sẹo hơi cong mở lên trên, mặt sau - ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải do tác động trực tiếp của vật sắc, bén hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải:

- Vết thương để lại sẹo hình cung mở xuống dưới, mặt trước - trong 1/3 dưới căng tay phải; mẻ 1/3 dưới xương trụ cẳng tay phải; Tổn thương nhánh thần kinh trụ tay phải do tác động trực tiếp của vật sắc, bén hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

Nội dung vụ án như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo A, Ai T, Ai Tư L phạm tội "Giết người";

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A** 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2022.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Ai Tư L** 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Ai T** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2022.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về: Trách nhiệm dân sự; Án phí và quyền kháng cáo.

**Sau khi xét xử sơ thẩm**: ngày 03/3/2023, bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù là mức án quá cao; ngày 08/3/2023 và ngày 10/3/2023, anh Ai Vưa X là người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L với lý do: Hình phạt áp dụng cho các bị cáo quá cao, sau khi xảy ra vụ việc các bị cáo đã ăn năn hối lỗi về hành vi của mình, gia đình cả 03 bị cáo đã tự nguyện bồi thường hết số tiền còn lại để khắc phục hậu quả (bl 551).

**Tại phiên tòa**: Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A; chấp nhận kháng cáo của Người bị hại xin giảm

nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L.

**Sau khi nghe**: Bị cáo, Bị hại trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, bị hại và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để kết luận: khoảng 22 giờ, ngày 31 tháng 01 năm 2021, tại nhà Blăng Ai T ( Buôn T, xã E, huyện K) bị cáo A đã có hành vi dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu, mặt và tay của anh Ai Vưa X; các bị cáo Ai T và Ai Tư L dùng cây đánh nhiều phát vào người của Ai Vưa X. Hậu quả anh Ai Vưa X bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra tỷ lệ 27%. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L phạm tội "Giết người". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của anh Ai Vưa X cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L thì thấy: bị cáo A chỉ vì bực tức việc anh Ai Vưa X can ngăn không cho Bị cáo đánh anh Blăng Ai T nên rủ Ai T và Ai Tư L tìm đánh Ai Vưa X. Bị cáo A đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém liên tục nhiều nhát vào vùng đầu, mặt, tay của Ai Vưa X; các bị cáo Ai T, Ai Tư L dùng cây đánh nhiều phát vào người của Ai Vưa X. Hậu quả, anh Ai Vưa X bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 27%. Hành vi của các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các bị cáo phạm tội chưa đạt nên đã áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57; bị cáo Ai T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các Điều 91, Điều 101, Điều 102; Bản án sơ thẩm cũng áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ai T và Ai Tư L nhưng xử phạt: bị cáo **A** 14 năm tù; bị cáo **Ai Tư L** 10 năm tù, bị cáo **Ai T** 06 năm tù là quá nghiêm khắc với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm: bị cáo **A** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; anh Ai Vưa X (Người bị hại) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L vì gia đình cả 03 bị cáo đã tự nguyện bồi thường hết số tiền còn lại để khắc phục hậu quả; Kiểm sát viên

cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, chấp nhận kháng cáo của Người bị hại, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, chấp nhận kháng cáo của Người bị hại, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L.

[3]**.** Các quyết định của Bản án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

**1**. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A. Chấp nhận kháng cáo của anh Ai Vưa X xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A, Ai T và Ai Tư L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A** 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/3/2022.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Ai Tư L** 09 (chín) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/9/2022.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 91, Điều 101, Điều 102 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Ai T 0**5 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/3/2022.

**2**. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**3**. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến**